TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 11/01/2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Minh Trang

Ông Phạm Sanh Hiền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2021/QĐXX-HNGĐPT ngày 01/7/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 1995.

Địa chỉ: HKTT: Ấp T1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Cư trú hiện nay: St 34281 xưởng 2 Công ty Apparel Far Eastern Việt Nam, số 46 Đại Lộ T, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, T, Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Thanh Đ

(Chị V, anh Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo V trình bày:

Chị và anh Lê Thanh Đ kết hôn với nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/3/2015. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gia đình bên chồng can thiệp đến công việc riêng tư của vợ chồng và xúc phạm gia đình chị, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cự cãi làm cho hạnh phúc vợ chồng không còn và anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 người con chung là Lê Phương Tuệ M, sinh ngày 20/10/2017 và Lê Phương Mẫn N, sinh ngày 20/01/2016, hiện nay anh Đ đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi con tên Lê Phương Tuệ M, giao con Lê Phương Mẫn N cho anh Đ nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Thanh Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân, con chung và không có tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng mới ly thân.

Theo yêu cầu ly hôn của chị V, nay anh Đ có ý kiến:

Về hôn nhân: anh Đ đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thảo V

Về con chung: Anh Đ yêu cầu được nuôi hai con chung là Lê Phương Tuệ M và Lê Phương Mẫn N vì hiện nay anh đang nuôi dưỡng các con và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng con, anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 11/2021/HNGĐ-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thảo V và anh Lê Thanh Đ

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phương Tuệ M, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thảo V chăm sóc, nuôi dưỡng ; Giao cháu Lê Phương Mẫn N, sinh ngày 20/01/2016 cho anh Lê Thanh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có trách nhiệm giao cháu Lê Phương Tuệ M lại cho chị Nguyễn Thị Thảo V. Nếu anh Đ không giao cháu Mẫn cho chị V thì chị V có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Chị V, anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản .Khi cần thiết chị V và anh Đ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thảo V và anh Lê Thanh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 30 tháng 3 năm 2021, anh Lê Thanh Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc giao con, anh Đ yêu cầu được nuôi hai con chung là Lê Phương Mẫn N sinh năm 2016 và Lê Phương Tuệ M, sinh 2017, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn anh Đ giữ nguyên Đơn kháng cáo, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Lê Phương Mẫn N sinh năm 2016 và Lê Phương Tuệ M, sinh 2017. Lý do khi ly thân anh mang cháu Tuệ M về nuôi dưỡng là do chị V đã có người yêu và nay đã làm đính hôn. Hiện nay gia đình anh là cha mẹ giúp anh nuôi dạy hai con, các cháu có cuộc sống ổn định, thu nhập kinh tế của anh từ công việc đủ đảm bảo nuôi dạy hai cháu nên không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Nguyên đơn chị V: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, chị được nuôi con chung tên Lê Phương Tuệ M, sinh ngày 20/10/2017, giao con Lê Phương Mẫn N, sinh ngày 20/01/2016 cho anh Đ nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị không đính hôn như anh Đ trình bày, kinh tế thu nhập từ công việc của chị ổn định và chị có thời gian để trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tuệ M. Trong suốt thời gian anh Đ nuôi hai cháu thì anh Đ và gia đình không tạo điều cho chị đến thăm nom, chăm sóc các cháu, gia đình anh Đ có lời lẽ xúc phạm chị, có báo Chính quyền địa phương nhưng không lập biên bản. Do tình hình dịch bệnh Covid giãn cách xã hội nên từ khi xử sơ thẩm đến nay chị không trực tiếp gặp các con.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy hai cháu Tuệ M và Mẫn N hiện đang sống chung với anh Đ, Tòa sơ thẩm giao cháu Tuệ M cho chị V nuôi dưỡng, anh Đ nuôi cháu Mẫn N thấy không phù hợp. Vì trước và sau ly hôn anh Đ sống chung cha mẹ, sau khi chị V bỏ về Bình Dương thì anh Đ cùng cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định hai

cháu Mẫn N và Tuệ M. Chị V hiện tại làm công nhân tại Bình Dương thì sẽ khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con và từ khi Tòa sơ thẩm xử đến nay chị V cũng không đến thăm con. Do đó cần giữ ổn định trong cuộc sống cho hai cháu và việc học tập để hai cháu cần gần gũi, và thường xuyên gặp mặt nhau, nếu tách hai cháu sẽ làm sáo trộn cuộc sống của các cháu, cần giữ nguyên hai cháu cho anh Đ nuôi dưỡng, anh Đ có sự trợ giúp của cha mẹ và em gái là phù hợp. Kháng cáo của anh Đ có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, chấp nhận kháng cáo của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị V có hai con chung, bản án sơ thẩm giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Mẫn N sinh ngày 20/01/2016, giao chi V nuôi dưỡng cháu Tuệ M sinh ngày 20/10/2017, hiện tại hai cháu đang do anh Đ và gia đình nuôi dưỡng.

Xét kháng cáo xin được trực tiếp nuôi con chung của anh Đ là cháu Lê Phương Tuệ M, sinh ngày 20/10/2017. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, điều kiện, môi trường sống của con chung là cháu Tuệ M. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã động viên các bên theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình về quyền nghĩa vụ nuôi con sau ly hôn nhưng hai bên không thỏa thuận được.

Xét thấy, chị V và anh Đ đều có điều kiện thu nhập kinh tế, thời gian và sự giúp đỡ của gia đình để nuôi dạy con chung. Đối với cháu M từ khi sinh ra đến khoảng 02 tuổi 07 tháng đều do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo tốt về mọi mặt cho sự phát triển của cháu. Đến tháng 06/2020 anh Đ và chị V xảy ra mâu thuẫn nên anh Đ đưa cháu M về nuôi dưỡng, chị V có đến xin đón con về nhưng anh Đ không đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ trình bày lý do anh mang cháu Tuệ M về nuôi dưỡng là do nghe tin chị V có người yêu.

Trong thời gian các cháu về sống chung gia đình anh Đ thì do cha mẹ anh giúp đỡ chăm sóc các cháu.

Hiện anh Đ không trực tiếp nuôi cháu M mà giao cháu cho cha mẹ chăm sóc, từ khi cháu M về sống cùng gia đình anh Đ thì chị V không được tạo điều kiện

để thăm nom các cháu. Hiện tại, cháu M chỉ hơn 04 tuổi, mặc dù cháu được ông bà nội chăm sóc trực tiếp cùng chị là Mẫn N nhưng chị V là mẹ đẽ của cháu thiết tha mong muốn được trực tiếp nuôi cháu nên rất cần được xem xét cho quyền lợi của cháu.

Xét điều kiện thu nhập kinh tế, điều kiện môi trường sống, thời gian chăm sóc, độ tuổi, giới tính của cháu Tuệ M thì chị V đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dạy cháu Tuệ M hơn anh Đ, do anh Đ đã nuôi cháu Mẫn N, về lâu dài nếu không có sự giúp đỡ của cha mẹ anh Đ thì sẽ khó khăn cho sự phát triển của các cháu. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không thống nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của anh Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nuôi con chung sau ly hôn của anh Đ chị V. Giao cháu Lê Phương Tuệ M cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phương Mẫn N; Nếu sau này một trong các bên không đủ điều kiện nuôi con chung thì có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm anh Đ phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 8 Điều 27, khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Lê Thanh Đ.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2021/HNGĐ-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thảo V và anh Lê Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phương Tuệ M, sinh ngày 20/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thảo V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ; Giao cháu Lê Phương Mẫn N, sinh ngày 20/01/2016 cho anh Lê Thanh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị V, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

Chị V, anh Đ có quyền, nghĩa vụ chăm sóc thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thảo V và anh Lê Thanh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Thảo V phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008695 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Áp phí phúc thẩm : Anh Lê Thanh Đ phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003458 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hường